

**\*TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 243/2020/HS-PT  
Ngày: 17- 8- 2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG THÁP**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tuấn Anh.  
*Các Thẩm phán:* Ông Lê Hồng Nước.  
Ông Lê Khắc Thịnh.

**- Thư ký phiên tòa:**

Bà Phan Thị Kim Loan- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa:**

Nguyễn Kim Hóa - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 11 và 17 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 179/2020/TLPT-HS ngày 30 tháng 6 năm 2020 đối với bị cáo Trần Văn T do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 09/2020/HS-ST ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

***Bị cáo có kháng cáo:***

**Trần Văn T**, sinh năm 1965 tại tỉnh Đồng Tháp; nơi cư trú (HKTT): Số xxx, ấp Khánh A, xã Tân Khánh T1, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp; nghề nghiệp: Mua bán; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn H (chết) và bà Trần Thị T2 (chết); có vợ và có 02 con; tiền án, tiền sự: Không; tạm giữ: 25-12-2019; tạm giam: Từ ngày 28-12-2019 đến ngày 15-01-2020 thay đổi biện pháp tạm giam bằng biện pháp cho bảo lãnh. Hiện bị cáo đang tại ngoại (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

*Người bào chữa cho bị cáo:* Luật sư Nguyễn Văn Hiếu- Văn phòng Luật sư Kim Xuyên thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đồng Tháp.

Địa chỉ: Quốc lộ 80, khóm Bình Thạnh 2, thị trấn Lấp Vò, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trần Văn T sinh sống bằng nghề bán tạp hóa tại chợ Mương Đ, thuộc ấp Khánh A, xã Tân Khánh T1, huyện Lấp Vò, tỉnh Đồng Tháp. Quá trình mua bán có người tên

L (không biết tên và địa chỉ cụ thể) đến chào hàng cho T về việc mua thuốc lá điều ngoại nhập lậu về bán lại kiếm lời trong dịp tết Nguyên Đán năm 2020. T đồng ý và liên hệ cho L đặt mua 4.980 gói thuốc lá điều ngoại nhập lậu gồm các loại HERO, JET, NELSON, SCOTT.

Ngày 24-12-2019 và 25-12-2019, có 02 người thanh niên (không biết tên và địa chỉ) đến giao thuốc lá và T trả cho 02 người trên số tiền hơn 70.000.000 đồng. T mang số thuốc lá điều cất giấu ở nhà kho tại số xxx, ấp Khánh A, xã Tân Khánh T1, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp. Đến 04 giờ 05 phút ngày 25-12-2019, thì bị lực lượng của Phòng Cảnh sát kinh tế Công an tỉnh Đồng Tháp, Công an huyện Lấp V kết hợp với Công an xã Tân Khánh T1, huyện Lấp V kiểm tra phát hiện bắt quả tang và thu giữ các tang vật bao gồm:

- 07 túi nilon màu trắng chứa thuốc lá điều nhập lậu hiệu JET, số lượng 173 cây = 1.730 gói.
- 01 túi nilon màu đen chứa thuốc lá điều nhập lậu hiệu JET, số lượng 25 cây = 250 gói.
- 01 thùng giấy chứa thuốc lá điều nhập lậu hiệu JET, số lượng 250 gói.
- 01 túi nilon màu trắng chứa thuốc lá điều nhập lậu hiệu HERO, số lượng 25 cây = 250 gói.
- 02 bao màu trắng chứa thuốc lá điều nhập lậu hiệu HERO, số lượng 50 cây = 500 gói.
- 01 túi nilon màu đen chứa thuốc lá điều nhập lậu hiệu HERO, số lượng 25 cây = 250 gói.
- 49 cây = 490 gói và 10 gói lẻ thuốc lá điều nhập lậu hiệu HERO được để bên ngoài.
- 50 cây = 500 gói thuốc lá điều nhập lậu hiệu SCOTT được để bên ngoài.
- 01 túi nilon màu trắng chứa thuốc lá điều nhập lậu hiệu SCOTT, số lượng 25 cây = 250 gói.
- 02 túi nilon màu trắng chứa thuốc lá điều nhập lậu hiệu NELSON, số lượng 50 cây = 500 gói.

Tại Bản án số 09/2020/HS-ST ngày 22-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp đã quyết định:

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Áp dụng điểm b khoản 3, khoản 4 Điều 190; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 (Tám) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo Trần Văn T đi chấp hành án phạt tù, được trừ thời gian tạm giữ, tạm giam từ ngày 25-12-2019 đến ngày 15-01-2020.

Phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Trần Văn T là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng).

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về xử lý vật chứng, án phí và nêu quyền kháng cáo theo luật định.

Đến ngày 02-6-2020, bị cáo Trần Văn T có đơn kháng cáo xin được hạ khung hình phạt để giảm nhẹ hình phạt tù.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Trần Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Bị cáo khai nhận có đặt mua 4.980 gói thuốc lá điều ngoại nhập lậu gồm các loại HERO, JET, NELSON, SCOTT của một người tên là L (không biết họ, địa chỉ cụ thể). Đến ngày 24-12-2019 và 25-12-2019 thì có 02 người thanh niên (không biết tên và địa chỉ) đến giao thuốc lá và bị cáo trả cho 02 người này số tiền hơn 70.000.000 đồng. Bị cáo mang 4.980 gói thuốc lá trên cất giấu ở nhà kho tại số xxx, ấp Khánh A, xã Tân Khánh T, huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp. Đến khoảng 04 giờ 05 phút ngày 25-12-2019 thì bị Công an kiểm tra phát hiện bắt quả tang và thu giữ các tang vật bao gồm: 2.230 bao thuốc lá hiệu JET, 1.500 bao thuốc lá hiệu HERO, 750 bao thuốc lá hiệu SCOTT và 500 bao thuốc lá hiệu NELSON không rõ nơi sản xuất, là hàng nhập lậu. Bị cáo thống nhất với tội danh “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử theo Bản án số 09/2020/HS-ST ngày 22-5-2020. Tuy nhiên, bị cáo Trần Văn T cho rằng mức hình phạt 08 năm tù mà Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt bị cáo là nặng, nay bị cáo giữ nguyên kháng cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm hạ khung hình phạt để giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo vì bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, bị cáo là lao động chính trong gia đình có xác nhận của chính quyền địa phương, quá trình sinh sống tại địa phương thì bị cáo hay làm từ t và được khen thưởng, bị cáo đã nộp xong toàn bộ số tiền của hình phạt bổ sung là 20.000.000 đồng mà Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc phải nộp.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Tháp phát biểu quan điểm nhận định rằng hành vi của bị cáo Trần Văn T bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội “Buôn bán hàng cấm” theo điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật. Khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét áp dụng đúng, đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo, gia đình có công với cách mạng theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó, mức án mà Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo xin hạ khung để giảm nhẹ hình phạt và có nêu ra các tình tiết mới để chứng minh yêu cầu kháng cáo, nhưng nhận thấy các tình tiết giảm nhẹ mới này thuộc quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Vì vậy, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm về phần hình phạt tù đối với bị cáo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Luật sư Nguyễn Văn Hiếu bào chữa cho bị cáo Trần Văn T cho rằng: Bị cáo Trần Văn T bị bắt quả tang đang tàng trữ 4.980 gói thuốc lá điều ngoại nhập lậu, tuy bị cáo khai rằng tàng trữ số thuốc lá này để bán trong dịp tết nguyên đán 2020 nhưng bị cáo chưa bán, do đó hành vi của bị cáo chỉ là đang tàng trữ thuốc lá điều ngoại nhập lậu, cấu thành tội “Tàng trữ hàng cấm” quy định tại Điều 191 Bộ luật hình sự, việc cấp sơ thẩm truy tố và xét xử bị cáo tội “Buôn bán hàng cấm” theo quy định tại Điều 190 Bộ luật hình sự là chưa đúng, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét chuyển tội danh đối với bị cáo T. Trường hợp Tòa án cấp phúc thẩm vẫn giữ tội danh “Buôn bán hàng cấm” như Tòa án cấp sơ thẩm đã xét xử, thì đề nghị xem xét bị cáo T có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; từ quá trình điều tra đến tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo thành khẩn khai báo; hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính có xác nhận của chính quyền địa phương, vợ bị cáo chỉ làm công việc nội trợ và chăm sóc 02 con, trong 02 con thì có 01 con bị bệnh trầm

cảm; bị cáo làm nhiều việc từ thiện ở địa phương; bị cáo nộp xong tiền phạt để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Trong phần tranh luận, bị cáo Trần Văn T cho rằng do không biết pháp luật quy định mua bán bao nhiêu gói thuốc lá điều ngoại nhập lậu thì vi phạm nên mới phạm tội, nếu biết thì sẽ không thực hiện hành vi phạm tội. Tại lời nói sau cùng, bị cáo xin Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm có điều kiện chăm sóc gia đình và làm công dân có ích.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Xét thấy, thuốc lá điều ngoại nhập lậu là hàng cấm, nên việc buôn bán, tàng trữ, vận chuyển mặt hàng này là hành vi trái pháp luật. Bị cáo Trần Văn T có hành vi mua 4.980 gói (bao) thuốc lá điều ngoại nhập lậu về tạm trữ tại kho của bị cáo để bán lại trong dịp tết nguyên đán năm 2020, nên hành vi của bị cáo Trần Văn T đủ cơ sở cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự. Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HS-ST ngày 22-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp kết án bị cáo Trần Văn T về tội danh trên là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[2] Xét quan điểm của Luật sư bào chữa cho bị cáo Trần Văn T cho rằng bị cáo có hành vi tàng trữ 4.980 gói thuốc lá điều ngoại nhập lậu, tuy bị cáo thừa nhận sẽ bán số thuốc lá này trong dịp tết nguyên đán năm 2020 nhưng bị cáo chưa bán, do đó hành vi của bị cáo phạm tội “Tàng trữ hàng cấm” quy định tại Điều 191 Bộ luật hình sự chứ không phạm tội “Mua bán hàng cấm” quy định tại Điều 190 Bộ luật hình sự là không có cơ sở. Bởi vì, căn cứ vào lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, tại các phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm và những tài liệu, chứng cứ đã thu thập được trong hồ sơ vụ án thể hiện mục đích của bị cáo Trần Văn T mua 4.980 gói thuốc lá điều ngoại nhập lậu nêu trên vào các ngày 24-12-2019 và 25-12-2019 tạm cất giữ trong kho để đến tết nguyên đán năm 2020 sẽ bán ra, ai mua bao nhiêu thì bán bấy nhiêu, bị cáo vừa nhập hàng ngày 25-12-2019 thì bị bắt quả tang. Điều đó chứng tỏ hành vi của bị cáo đã cấu thành tội “Buôn bán hàng cấm” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự, việc bị cáo chưa bán được thì bị bắt quả tang là trường hợp nằm ngoài ý muốn của bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Văn T xin được hạ khung hình phạt, tức là chuyển từ khung hình phạt ở khoản 3 Điều 190 Bộ luật hình sự sang khung hình phạt ở khoản 2 Điều 190 Bộ luật hình sự là khung hình phạt nhẹ hơn của điều luật để giảm nhẹ hình phạt tù cho bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã áp dụng đầy đủ, đúng các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo là thành khẩn khai báo và gia đình có công với cách mạng theo quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự, hình phạt 08 năm tù mà Bản án sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là mức thấp nhất của khung hình phạt mà bị cáo vi phạm. Khi kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo có xuất trình và chứng minh các tình tiết giảm nhẹ mới như: Bị cáo đã nộp xong số tiền 20.000.000 đồng của hình phạt bổ sung mà Bản án sơ thẩm đã tuyên buộc; hoàn cảnh gia đình của bị cáo khó khăn; bị cáo làm từ thiện ở địa

phương. Xét thấy đây là các tình tiết giảm nhẹ mới mà bị cáo được áp dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Tuy nhiên, căn cứ quy định ở khoản 1 Điều 54 Bộ luật hình sự thì bị cáo chưa đủ điều kiện để hạ khung hình phạt do bị cáo chỉ có 01 tình tiết giảm nhẹ là thành khẩn khai báo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự, còn các tình tiết giảm nhẹ khác được quy định ở khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đồng thời, xét mức hình phạt 08 năm tù mà Bản án sơ thẩm đã tuyên là phù hợp với nhân thân của bị cáo và tính chất, mức độ hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra. Vì vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về phần hình phạt tù đối với bị cáo.

[4] Xét thấy phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm về quan điểm giải quyết vụ án là có căn cứ chấp nhận. Đối với đề nghị của vị Luật sư bào chữa cho bị cáo tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy không có cơ sở chấp nhận, lý do như đã phân tích ở trên.

[5] Tiếp tục quản lý số tiền 20.000.000 đồng là hình phạt bổ sung và 200.000 đồng là án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của Bản án sơ thẩm số 09/2020/HS-ST ngày 22-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp mà bị cáo Trần Văn T đã nộp theo Biên lai thu số 015925 ngày 02-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp Vò để đảm bảo thi hành án theo quy định của pháp luật.

[6] Do kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Trần Văn T.

Giữ nguyên quyết định của Bản án hình sự sơ thẩm số 09/2020/HS- ST ngày 22 tháng 5 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp về phần hình phạt tù đối với bị cáo Trần Văn T.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn T phạm tội “*Buôn bán hàng cấm*”.

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 190; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Văn T 08 (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo chấp hành hình phạt nhưng được trừ vào thời gian tạm giữ, tạm giam (Từ ngày 25-12-2019 đến ngày 15-01-2020).

2. Tiếp tục quản lý số tiền 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng) là hình phạt bổ sung và 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) là án phí hình sự sơ thẩm theo quyết định của Bản án sơ thẩm số 09/2020/HS-ST ngày 22-5-2020 của Tòa án nhân dân huyện Lấp V, tỉnh Đồng Tháp mà bị cáo Trần Văn T đã nộp theo Biên lai thu số 015925 ngày 02-6-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lấp V để đảm bảo thi hành án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm b khoản 2 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30- 02- 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng

án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Trần Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

Các phần khác của quyết định bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**CÁC THẨM PHÁN**

**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lê Hồng Nước      Lê Khắc Thịnh**

**Nguyễn Tuấn Anh**